

CÔNG TY TNHH THÀNH HUNG HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THÀNH HUNG HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH HUNG HA NOI COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THANH HUNG HA NOI CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110052152

3. Ngày thành lập: 05/07/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 8 Ngõ 132 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989090161

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
6.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
7.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
8.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
9.	Bán buôn thực phẩm	4632
10.	Bán buôn đồ uống	4633
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
12.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
16.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
19.	Dịch vụ đóng gói	8292
20.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
21.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512

22.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
23.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
24.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
25.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
26.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
27.	Cho thuê xe có động cơ	7710
28.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
29.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
30.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
31.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
32.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
33.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
34.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
35.	In ấn	1811
36.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
37.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
38.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
39.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
40.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
41.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
42.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
43.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
44.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
45.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
46.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
47.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
48.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô.	4932
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933(Chính)
50.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012

51.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
52.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
55.	Bốc xếp hàng hóa	5224
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không)	5229
58.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
59.	Cơ sở lưu trú khác	5590
60.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
61.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
62.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
63.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
64.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
65.	Đại lý du lịch	7911
66.	Điều hành tua du lịch	7912
67.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
68.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
69.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
70.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
71.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
72.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
73.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
74.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
75.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
76.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
77.	Tái chế phế liệu	3830
78.	Xây dựng nhà để ở	4101
79.	Xây dựng nhà không để ở	4102
80.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
81.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
82.	Xây dựng công trình điện	4221
83.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
84.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
85.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
86.	Xây dựng công trình thủy	4291

87.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
88.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
89.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
90.	Phá dỡ	4311
91.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
92.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
93.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
94.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
95.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
96.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
97.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
98.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
99.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
100.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
101.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	VŨ MẠNH HÙNG	Việt Nam	Số nhà 23 Ngõ 122/115 Tổ dân phố số 1 Miêu Nha, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	5.000.000.000	50,000	037084004602	
2	VŨ NGỌC ANH	Việt Nam	Xóm 7B, Xã Cồn Thoi, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	5.000.000.000	50,000	037087008332	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ MẠNH HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/06/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037084004602

Ngày cấp: 12/06/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân
sư

Địa chỉ thường trú: Số nhà 23 Ngõ 122/115 Tổ dân phố số 1 Miêu Nha, Phường Tây
Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 23 Ngõ 122/115 Tổ dân phố số 1 Miêu Nha, Phường Tây Mỗ,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội